TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **295**/2026/HS-ST
Ngày 09/6/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đỗ Duy Khoa**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Kiều Xuân Mai**

Bà **Hoàng Thị An**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đỗ Kỳ Anh** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Đỗ Lê Thanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 304/TLST-HS ngày 21 tháng 5 năm 2026 theo định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 310/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 5 năm 2026, đối với:

*** Bị cáo: La Thành L,** sinh năm 2004 tại Tuyên Quang; Căn cước công dân: 008204005137; Nơi đăng ký thường trú: Thôn S, xã T, tỉnh Tuyên Quang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Họ tên bố: La C; Họ tên mẹ: Triệu Thị P; Vợ, con: Chưa có; Gia đình có 02 anh em: Bị cáo là con thứ hai; D chỉ bản số 292 lập ngày 31/3/2026 tại Phân trại tạm giam S, Công an thành phố H; Tiền sự, tiền án: Không; Tạm giữ, tạm giam: Từ ngày 25/3/2026 đến nay. Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1, Công an thành phố H. Có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo La T Lên:** Ông **Nguyễn Văn L1** - Trợ giúp viên pháp lý, Chi nhánh Trợ giúp pháp lý số 5, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố H. Có mặt.

*** Bị hại:** Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1995; Địa chỉ: Thôn N, xã V, thành phố Hà Nội. Vắng mặt (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ 10 phút ngày 25/03/2026, sau khi uống bia cùng với anh

Đinh Văn T1 (sinh năm 1989, nơi cư trú: Thôn C, xã T, thành phố Hà Nội), La Thành L đi về trại dê của anh T1 có địa chỉ trước đây là thôn N, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội (Nay thuộc địa phận của xã P, thành phố Hà Nội) để ngủ. Tại đây, L nảy sinh ý định trộm cắp tài sản tại trang trại của chị Nguyễn Thị N (sinh năm 1995, nơi cư trú: thôn N, xã V, thành phố Hà Nội) ở bên cạnh trại dê của anh T1. La Thành Lên dắt chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu trắng, BKS: 22FA-09291 dựng xe tại vỉa hè trước trang trại của anh T1 để sau khi lấy trộm được tài sản sẽ sử dụng chiếc xe máy trên mang đi tẩu tán. Sau khi đỗ xe máy xong, L quay lại trang trại của anh T1, trèo tường từ trang trại của anh T1 sang trang trại của chị N. Lên phát hiện trong kho tại trang trại của chị N có một phòng nhỏ, bên trong chứa nhiều cuộn dây điện màu vàng chưa sử dụng. Lên đã ôm 04 cuộn dây điện, trong đó 02 cuộn to, 2 cuộn nhỏ rồi trèo tường về bên trại dê của anh T1 và để trên chiếc xe máy đã đỗ sẵn trước đó; Lần thứ hai Lên quay lại ôm 03 cuộn dây điện nhỏ để trên xe máy; Lần thứ ba L quay lại ôm thêm 04 cuộn dây trong đó có 03 cuộn to, 01 cuộn nhỏ để dưới đất cạnh xe máy; Lần thứ tư Lên quay lại ôm 03 cuộn dây điện trong đó có 02 cuộn to và 01 cuộn nhỏ.

Sau khi lấy được các cuộn dây điện, L điều khiển xe máy di chuyển hướng đường H - Cầu vượt K để cất giấu. Khi đi đến ngã tư đèn xanh, đèn đỏ giao nhau giữa đường P và đường V, L điều khiển xe táp vào lề đường và cất giấu 05 cuộn dây điện trộm cắp được vào hàng cây ven đường. Sau đó, L quay lại hai lần để chở các cuộn dây điện còn lại đến đây cất giấu để đến sáng sẽ tìm nơi bán. Sau khi cất giấu xong, L điều khiển xe máy về trại dê của anh Nguyễn Minh N1 (sinh năm 1983, nơi cư trú: Thôn A, xã B, thành phố Hà Nội) ngủ. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, L đến nơi cất giấu các cuộn dây điện rồi mang lên Công an xã P đầu thú.

Vật chứng thu giữ:

+ 500m dây đôi Ovan VCmo 2x2.5 vàng Limatsu.

+ 100m dây đôi Ovan VCmo 2x1.5 vàng Limatsu.

+ 300m dây đôi Ovan VCmo 2x1 vàng Limatsu.

+ 400m dây đôi dính cách VCmd 2x0.75 vàng Eliton.

+ 100m dây đôi Ovan Vcmo 2x0.5 vàng Limatsu.

+ 100m dây tròn 2 lõi VCmt 2x1.5 đen Eliton.

Các cuộn dây điện trên còn mới và chưa qua sử dụng.

Ngoài ra, cơ quan điều tra còn thu giữ của La Thành L: 01 điện thoại di động Readme màu xanh, đã qua sử dụng và 01 xe máy Honda Wave màu trắng, BKS 22FA-09291.

Tại Kết luận định giá tài sản số 05/KL-HĐĐGTS ngày 31/3/2026 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân xã P kết luận:

+ 500m dây đôi Ovan VCmo 2x2.5 vàng Limatsu trị giá 9.131.000 đồng.

+ 100m dây đôi Ovan VCmo 2x1.5 vàng Limatsu trị giá 1.114.600 đồng.

+ 300m dây đôi Ovan VCmo 2x1 vàng Limatsu trị giá 2.416.000 đồng.

+ 400m dây đôi dính cách VCmd 2x0.75 vàng Eliton trị giá 2.002.000 đồng.

+ 100m dây đôi Ovan Vcmo 2x0.5 vàng Limatsu trị giá 449.000 đồng.

+ 100m dây tròn 2 lõi VCmt 2x1.5 đen Eliton trị giá 1.189.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản là **16.302.900 đồng**.

Tại cơ quan điều tra, La Thành L khai nhận phù hợp với các tài liệu điều tra thu thập được.

Đối với anh Đinh Văn T1 và anh Nguyễn Minh N1 là chủ trang trại nuôi dê có thuê La Thành L làm việc, không được bàn bạc, không biết việc L thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản tại trang trại của chị N nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề cập xử lý.

Đối với 500m dây đôi Ovan VCmo 2x2.5 vàng Limatsu, 100m dây đôi Ovan VCmo 2x1.5 vàng Limatsu, 300m dây đôi Ovan VCmo 2x1 vàng Limatsu, 400m dây đôi dính cách VCmd 2x0.75 vàng Eliton, 100m dây đôi Ovan Vcmo 2x0.5 vàng Limatsu, 100m dây tròn 2 lõi VCmt 2x1.5 đen Eliton là tài sản hợp pháp của chị Nguyễn Thị N. Ngày 10/4/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại tài sản cho chị N.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Readme màu xanh, đã qua sử dụng và 01 xe máy Honda Wave màu trắng, BKS 22FA-09291 là vật chứng trong vụ án chuyển Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hà Nội giải quyết theo thẩm quyền.

Về dân sự: Chị N đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì về dân sự và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho La Thành L.

Tại Cáo trạng số 59/CT-VKS ngày 20/5/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hà Nội đã truy tố La Thành L về trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung trạng đã truy tố. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và xin giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện Viện sát nhân dân khu vực 7 - Hà Nội giữ quyền công tố tại phiên toà, sau khi phân tích nội dung, tính chất của vụ án, một lần nữa khẳng định việc truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như Cáo trạng đã nêu là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt La Thành L từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng, kể từ ngày tuyên án.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng vì bị cáo không có thu nhập ổn định.

Về dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm nên không phải xem xét, giải quyết.

Về vật chứng: Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 xe máy Honda Wave màu trắng, BKS 22FA-09291. Trả lại cho bị cáo La Thành L 01 điện thoại di động nhãn hiệu Readme màu xanh.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Người bào chữa cho bị cáo: Nhất trí với tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xét đến nhân thân, hoàn cảnh của bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật còn hạn chế, gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo và cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự . Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65 Bộ luật Hình sự và cho bị cáo được mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có cơ hội sửa chữa và trở thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

1.1. Về sự vắng mặt của bị hại chị Nguyễn Thị N tại phiên tòa: Trong quá trình điều tra, chị N đã có lời khai đầy đủ, đã được nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và có đơn xin vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị hại Nguyễn Thị N theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1.2. Tại giai đoạn điều tra, truy tố: Các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng tại giai đoạn điều tra, truy tố đã thực hiện đều hợp pháp và đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đủ căn cứ kết luận:

Khoảng 00 giờ 30 phút 25/3/2026, tại Trang trại của chị Nguyễn Thị N ở xã P, thành phố Hà Nội, La Thành L có hành vi lén lút trộm cắp 500m dây đôi Ovan VCmo 2x2.5 vàng Limatsu, 100m dây đôi Ovan VCmo 2x1.5 vàng Limatsu, 300m dây đôi Ovan VCmo 2x1 vàng Limatsu, 400m dây đôi dính cách VCmd 2x0.75 vàng Eliton, 100m dây đôi Ovan Vcmo 2x0.5 vàng Limatsu, 100m dây tròn 2 lõi VCmt 2x1.5 đen Eliton của chị Nguyễn Thị N. Tổng trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt là 16.302.900 đồng (Mười sáu triệu, ba trăm linh hai nghìn, chín trăm đồng). Đến trưa cùng ngày, bị cáo đã đến Cơ quan Công an để tự thù về hành trộm cắp của mình. Hành vi của bị cáo đã cấu thành trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Nội dung điều luật quy định:

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản.

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...".

Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hà Nội truy tố La Thành L về trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an toàn xã hội. Mặc dù bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức và hành vi nhưng bị cáo vẫn nhận thức được hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng do muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo vẫn cố ý phạm tội. Do vậy cần phải xử lý hình sự và cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung.

Khi lượng hình, Hội đồng xét xử xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, sau khi phạm tội, bị cáo đã đến Cơ quan Công an để tự thú là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s, r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo là người dân tộc thiểu số ở vùng đặc biệt khó khăn nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo và tài sản do bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi, bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đây là căn cứ để Hội đồng xét xử xem

xét giảm một phần hình phạt cho bị cáo lẽ ra bị cáo phải chịu, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Căn cứ vào các quy định của Bộ luật Hình sự như đã nêu trên; căn cứ tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; căn cứ nhân thân người phạm tội, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy, bị cáo nhất thời phạm tội, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội đã ra tự thú, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi trả cho bị hại, bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng đặc biệt khó khăn, gia đình thuộc hộ nghèo và bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng hình phạt tù có thời hạn nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, dưới sự giám sát của gia đình và chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội. Trả tự do cho các bị cáo tại phiên tòa nếu các bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác theo quy định tại khoản 4 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định: "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng". Xét bị cáo không có thu nhập ổn định và thuộc hộ nghèo nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã được nhận tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì về phần dân sự nên Tòa án không phải xem xét, giải quyết.

[6]. Về vật chứng: Đối với 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu trắng, BKS 22FA-09291 là tài sản đăng ký tên bị cáo đã dùng làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước. Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Readme màu xanh là tài sản của bị cáo không phải là công cụ, phương tiện phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

[7]. Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng đặc biệt khó khăn và thuộc hộ nghèo nên được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[8]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo và bị hại đều có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9]. Đề nghị của người bào chữa cho bị cáo: Áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo theo quy định tại Điều 54 Bộ luật Hình sự là không phù hợp với quy định pháp luật nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10]. Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hà Nội tại phiên tòa: Phù hợp với quy định của pháp luật và kết quả nghị án nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: **Bị cáo La Thành L phạm trộm cắp tài sản.**

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 173, điểm i, s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65, Điều 47 Bộ luật Hình sự;

- Điều khoản 4 Điều 328, Điều106, 136, 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

1. Về hình phạt:

Xử phạt: **La Thành L 09 (Chín) tháng tù** về cắp tài sản nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng, kể từ ngày tuyên án.

Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo La Thành L nếu bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam về một tội phạm khác.

Giao bị cáo La Thành L cho Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Tuyên Quang giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách bản án.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù cho bản án đã được hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

2. Về vật chứng:

- Trả lại cho bị cáo La Thành L: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Readme màu xanh đã qua sử dụng.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu trắng, BKS 22FA - 09291 đăng ký mang tên La Thành L.

(Vật chứng đang được lưu giữ tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 - Hà Nội tình trạng như Biên bản bàn giao nhận vật chứng ngày 25/6/2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố H và Thi hành án dân thành phố Hà Nội).

3. Về án phí sơ thẩm:

Án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng). Bị cáo La Thành L được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm

4. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 7 - Hà Nội;
- Tòa án nhân dân TP. Hà Nội;
- VKSND TP. Hà Nội;
- PV06, Công an TP. Hà Nội;
- Cơ quan Thi hành án hình sự;
- Trại tạm giam;
- Phòng THADS KV 7- Hà Nội;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Duy Khoa